TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08/11/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Đạm

2/ Ông Lê Văn Ký

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Nh - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị Nh và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2018, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị Nh trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên rượu chè nên

hay đánh đập chị và bất đồng quan điểm. Từ tháng 3/2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:*Vợ chồng có một con chung là: Bùi Hoàng Q- Sinh ngày: 22/01/2016. Nguyện vọng của chị là xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập 5.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Hoàng Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu tổ chức cưới và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng với bố mẹ vợ nên vợ chồng cải nhau, cuối năm 2016 chị Nh bỏ về nhà mẹ đẻ ở 1 tháng rồi về. Từ tháng 3/2018 chị Nh lại bỏ về và từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý và xin được ly hôn với chị Nh.

- *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là: Bùi Hoàng Q- Sinh ngày: 22/01/2016. Nguyện vọng của anh là xin được nuôi con và không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm công nhân thu nhập trên 9.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nh giữ nguyên toàn bộ yêu cầu, các bên không thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Nh và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị Nh và anh T đều thừa nhận, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng đầu năm 2018, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Việc chị Nh và anh T xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật HN&GĐ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Nh và anh Bùi Văn T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Hoàng Q, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2016. Ly hôn anh T và chị Nh đều đề nghị được nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Anh T và chị Nh đều có công việc làm và có thu nhập ổn định và đều có khả năng chăm sóc cháu tốt.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Q đang còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ nuôi và từ trước đến nay cháu vẫn ở với mẹ, nên cần có sự chăm sóc của mẹ sẽ tốt và đảm bảo hơn về sức khỏe và tâm sinh lý của cháu. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu Q cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng, chị Nh không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị và mức thu nhập của chị cũng đủ cho việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị Nh là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị Nh phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Nh và anh Bùi Văn T.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận chị Hoàng Thị Nh và anh Bùi Văn T có 01 con chung là Bùi Hoàng Q, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2016.

2.1. Giao con chung Bùi Hoàng Q cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Nh và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Nh phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000308 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị Nh đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Nh và anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Lâm (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn